

**CÔNG TY TNHH MÁY NÂNG YUJIA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MÁY NÂNG YUJIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: YUJIA LIFT MACHINERY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703236325

**3. Ngày thành lập:** 08/08/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 1/75, Khu phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0385543441

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và các phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu. | 4659(Chính) |
| 2.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4669        |
| 3.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4690        |
| 4.  | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3311        |
| 5.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3312        |
| 6.  | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3319        |
| 7.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3313        |
| 8.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3314        |
| 9.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3320        |
| 10. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4321        |
| 11. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                                                                                                                                                                                               | 3315        |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4299        |
| 13. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4390        |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các loại hàng hóa không thuộc danh mục cấm xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.           | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: CHÂU VĨNH SÁNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 12/04/1988 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 075088013556

Ngày cấp: 08/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 8, Khu 6, Thị trấn Tân Phú, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 8, Khu 6, Thị trấn Tân Phú, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: XUE, LAIHUA

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/02/1966

Dân tộc: Quốc tịch:

Trung Quốc

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: EM0115301

Ngày cấp: 26/02/2024

Nơi cấp: Cục xuất nhập cảnh – Bộ công an Trung Quốc

Địa chỉ thường trú: Khu công nghiệp Bản Kiều, Thị trấn Taimei, Thành phố Huệ Châu, Tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc

Địa chỉ liên lạc: Số 1/75, Khu phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương